

Bản án số: 162/2023/HS-PT
Ngày: 12-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đại Long.

Bà Lê Thị Tân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 193/2023/TLPT-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Lê Đức B, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2023/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị cáo bị kháng nghị:**

Lê Đức B, sinh ngày 01/01/1975 tại xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn V 2, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức M (đã chết) và bà Lê Thị T; có vợ là Hoàng Thị N và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Hải H, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 20 tháng 12 năm 2022, Lê Đức B đến trang trại của anh Trịnh Công K tại thôn V 2, xã X, huyện T chơi và ngồi uống nước trong sân cùng với anh K, anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Đình T1. Khoảng 10 phút sau anh Nguyễn Hải H ở khu 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa đi xe ô tô đến trang trại của anh K với mục đích gặp anh T mua đồ cổ. Khi anh H vào trong sân chào

và bắt tay từng người thì Lê Đức B nhận ra anh H là người đã đánh B trước đây từ thời B còn đi buôn bán trâu bò, nên B không bắt tay lại. Sau đó anh H ra phía sau nhà đi vệ sinh rồi quay lại xe ô tô lấy ra một thùng giấy (để đựng bát, đĩa cỏ) để phía trước cửa ra vào nhà anh K rồi lấy giấy lộn lót vào trong thùng để xếp bát, đĩa cỏ vào trong. Do vẫn còn bức tức việc mâu thuẫn trước đây, nên B đi lại góc sân lấy chiếc gậy kim loại dạng ống tuýp đi lại phía anh H. Lúc này, anh H đang cúi khom người, lưng hướng ra ngoài cổng thì bất thành linh B cầm gậy bằng tay phải đập 01 (một) cái từ trên xuống vào ngang giữa lưng anh H. Bị đánh, anh H quay lại hỏi: “Tại sao mày đánh tao?” thì B trả lời: “Mày có nhớ tao là ai không, tao con nhà M đây”. B tiếp tục dùng gậy đập từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào bắp tay phải anh H. Thấy vậy, anh K và anh T chạy lại can ngăn đẩy B ra ngoài, còn anh H chạy vào trong nhà anh K ngồi. B đi ra ngoài cổng lấy điện thoại gọi cho anh trai là Lê Đức T2 nói: “Anh đến nhà K em mượn tí”. Gọi điện xong, B đi vào trong sân lấy được một chiếc gậy kim loại dạng hình hộp chữ nhật dựng ở vườn giáp với tường sân định vào đánh anh H, nhưng được anh K và anh T can ngăn, giật gậy ném ra vườn, nên B đi ra cổng đứng. Một lúc sau Lê Đức T2 đến, B nói với T2: “Thằng H bên V nó đang đây”. T2 không nói gì, mà một mình đi vào trong sân thấy anh H đang ở trong nhà, T2 nói: “Thằng H mày đánh hai thằng em tao hai lần” rồi lao vào nhà chỗ anh H đang đứng dùng tay phải đâm liên tiếp hai cái trúng vào mắt trái và trúng vào miệng bên trái của anh H. T2 tiếp tục dùng tay chân đâm, đá vào hông trái và bụng anh H. Anh K và anh T thấy vậy thì chạy vào can ngăn kéo T2 ra ngoài. Lúc này B từ ngoài cổng đi vào trong nhà nhìn thấy chiếc kéo đang để trên bàn, B cầm lên nói với anh H: “Mày có ra không, tao chọc cho cái giờ”. Thấy vậy thì anh T và anh K chạy vào trong nhà giật chiếc kéo từ tay B và đẩy B ra ngoài sân. Sau đó, khi lực lượng Công an đến giải quyết vụ việc, anh H được đưa đi sơ cứu vết thương tại Bệnh viện đa khoa T và được gia đình đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa V.

Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể đối với anh Nguyễn Hải H xác định:

- + Tại mắt trái có vết sưng nề, bầm tím, kích thước (03 x 03)cm;
- + Tại vị trí môi trên bên trái có vết bầm đỏ, xây xước da, kích thước (01 x 01)cm;
- + Vùng giữa lưng có vết sưng nề, tấy đỏ, kích thước (25 x 03)cm, kéo từ bả vai trái chéo xuống giữa lưng.
- + Vùng bả vai trái có vết sưng nề không rõ vết, không tấy đỏ;
- + Tại vị trí mặt ngoài bắp tay phải có vết sưng nề, bầm tím, kích thước (08 x 02)cm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1662/2022/TTPY ngày 19/01/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tại thời điểm giám định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 3%.

Quá trình điều tra Lê Đức B khai: Bình gọi điện cho anh trai là Lê Đức T2 đến không nhằm mục đích đánh nhau với Nguyễn Hải H, mà muốn anh T2 bắt H xin lỗi chuyện đánh B trước đây. Lê Đức T2 khai: Khi T2 đến nhà anh K thì T2 không biết trước đó anh H bị B đánh. Bản thân T2 không có mâu thuẫn trực tiếp với anh H, nhưng biết việc anh H trước đây có đánh em mình, nên khi đến nhà anh K thấy anh H mới tức giận xông vào đánh anh H. Việc đánh anh H là do T2 bột phát.

Cơ quan điều tra xác định không có dấu hiệu đồng phạm giữa Lê Đức B và Lê Đức T2 trong việc gây thương tích cho anh H, nên ngày 22 tháng 02 năm 2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định bổ sung về thương tích, để tách tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Hải H đối với các vết thương bị đánh bằng hung khí do Lê Đức B và bằng tay chân do Lê Đức T2 gây nên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y bổ sung số 352/2023/TgT ngày 10/3/2023 của Trung tâm pháp y Thanh Hóa kết luận:

+ Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do các thương tích vùng mắt trái, môi trên bên trái, môi dưới bên trái, bả vai trái gây nên đối với Nguyễn Hải H là 2%.

+ Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do các thương tích vùng giữa lưng, mặt ngoài bắp tay phải gây nên đối với Nguyễn Hải H là 1%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2023/HS-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 357, 468, 584, 585, 587, 590 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 293, khoản 1 Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đức B phạm tội “Cố ý gây thương tích”,

Xử phạt bị cáo Lê Đức B 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Đức B cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Đức B và anh Lê Đức T2 phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Hải H tổng số tiền là 23.042.346 đồng. Trong đó: Bị cáo Lê Đức B phải bồi thường 11.521.173 đồng; anh Lê Đức T2 phải bồi thường 11.521.173 đồng.

Ghi nhận bị cáo Lê Đức B đã tự nguyện bồi thường được 10.000.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Như vậy, số tiền còn lại bị cáo Lê Đức B tiếp tục phải bồi thường cho anh Nguyễn Hải H là 1.521.173 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện T có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS kháng nghị phần hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 38/2023/HS-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự để tuyên phạt bị cáo ở mức án nhẹ hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình đơn xin giảm nhẹ hình phạt và biên lai thu tiền thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 2.297.173 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để bồi thường thiệt hại và nộp án phí sơ thẩm, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 BLTTHS, sửa án sơ thẩm, xét xử bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa gửi trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xem xét nội dung quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát:

[2.1] Nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát:

Thứ nhất: Có sự mâu thuẫn giữa việc đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội với việc quyết định hình phạt: tại mục [3] và [4] phần nhận định của bản án, Tòa án nhận định: “Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng...”; “Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để thực hiện việc bồi thường cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS”. Như vậy theo quy định tại Điều 54 BLHS thì bị cáo đủ điều kiện để Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, nhưng Tòa án xử phạt bị cáo 07 (bảy) tháng tù (cho hưởng án treo) là trái với quy định tại Điều 54 và điểm đ khoản 1 Điều 3 BLHS, để quyết định chuyển sang một hình phạt khác nhẹ hơn mà quyết định xử phạt là quá nặng và trái với các nguyên tắc được quy định tại BLHS.

Thứ hai: Việc đánh giá khách thể còn có sự nhầm lẫn: Tại mục [3] phần nhận định của Tòa án, ngoài hành vi xâm phạm đến sức khỏe thì Tòa án nhận định: “Vụ án xảy ra đã gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến an toàn xã hội...” là không đúng với khách thể bị cáo bị xâm hại.

Thứ ba: Mức án đã tuyên là quá nghiêm khắc, không chỉ vi phạm Điều 54 và điểm đ khoản 1 Điều 3 BLHS; không thể hiện tính khoan hồng của pháp luật; không công bằng đối với người phạm tội khi xem xét các vụ án có cùng tính chất xảy ra trên địa bàn mà Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử.

[2.2] Xem xét nội dung vụ án, thì thấy: khi gặp anh H tại trang trại của anh K thì nhận ra anh H là người đã đánh B trước đây, nên B đi lại góc sân lấy chiếc gậy kim loại dạng ống tuýp đi lại phía anh H, cầm gậy bằng tay phải đập 01 (một) cái từ trên xuống vào ngang giữa lưng anh H, tiếp theo B tiếp tục dùng gậy đập từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào bắp tay phải anh H. Sau đó, B còn định cầm gậy kim loại dạng hình hộp chữ nhật và kéo để đánh anh H, nhưng được anh K và anh T can ngăn nên không đánh anh H được nữa. Ngoài ra, anh H còn bị anh Lê Văn T2 dùng tay phải đâm liên tiếp hai cái trúng vào mắt trái và miệng bên trái. Hậu quả xảy ra anh H bị tổn hại sức khỏe 03%, trong đó vết thương do B gây ra là 01%.

Bị cáo B có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, đã nộp số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục phần lớn hậu quả xảy ra. Như vậy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, mà được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó, bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 54 BLHS để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 BLHS: *“Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục”*.

Với hành vi nêu trên của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày

tuyên án sơ thẩm là quá nghiêm khắc, không thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Viện kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo xuất trình đơn xin giảm nhẹ hình phạt và biên lai thu tiền thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 2.297.173 đồng, trong đó số tiền bồi thường thiệt hại là 1.151.173 đồng; án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 776.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó, HĐXX chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp. Do bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Lê Đức B đã nộp tiếp số tiền 1.521.173 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007175 ngày 08/9/2023 để bồi thường cho bị hại đủ số tiền phải bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm, nên cần sửa phần bồi thường dân sự và án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo, công nhận bị cáo đã bồi thường đủ số tiền phải bồi thường, bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại chấp nhận lời xin lỗi của bị cáo và đề nghị HĐXX quyết định mức hình phạt đối với bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 38/2023/HS-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa như sau:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS;

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.
- Xử phạt: Bị cáo Lê Đức B 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được Quyết định thi hành án. Trong

thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ giao bị cáo Lê Đức B cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587 và 590 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Lê Đức B và anh Lê Đức T2 phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Hải H tổng số tiền là 23.042.346 đồng. Trong đó: Bị cáo Lê Đức B phải bồi thường 11.521.173 đồng; anh Lê Đức T2 phải bồi thường 11.521.173 đồng.

Ghi nhận bị cáo Lê Đức B đã tự nguyện bồi thường được 11.521.173 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007168 ngày 30/5/2023 và biên lai thu tiền số AA/2021/0007175 ngày 08/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bị cáo đã bồi thường đủ số tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại.

2. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lê Đức B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007175 ngày 08/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bị cáo đã nộp đủ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Đức B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bị cáo 576.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007175 ngày 08/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- CQ CSĐT Công an huyện T;
- CQ THAHS Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND huyện Nông Cống;
- CQ CSĐT Công an huyện Nông Cống;
- CQ THAHS Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Bị cáo;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến